

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) Ghi lại chữ cái trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1. Duyên Hải Nam Trung bộ và Nam Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc:

- A. Chăm, Khơ-me. B. Vân Kiều, Thái. C. Ê-đê, mường. D. Ba-na, cơ -ho.

Câu 2. Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số:

- A. 85,3% B. 86,2% C. 87,2% D. 88%

Câu 3. Xu hướng già hóa của dân số nước ta **không có** biểu hiện nào sau đây?

- A. Tỷ lệ người trên 60 tăng. B. Tuổi thọ trung bình tăng.
C. Tỷ lệ người từ 0-14 tăng. D. Gia tăng tự nhiên giảm.

Câu 4. Thành tựu của công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình ở nước ta là

- A. giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên. B. cơ cấu dân số trẻ.
C. tỉ lệ sinh rất cao. D. quy mô dân số lớn và tăng.

Câu 5. Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi theo hướng

- A. nhóm tuổi dưới 15 tăng; nhóm tuổi trên 60 giảm.
B. nhóm tuổi dưới 15 tăng; nhóm tuổi trên 60 tăng.
C. nhóm tuổi dưới 15 và nhóm tuổi trên 60 đều giảm.
D. nhóm tuổi từ 15 đến 59 và nhóm tuổi trên 60 tăng.

Câu 6. Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Nguyên. C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây **không phải** là đô thị loại 1?

- A. Hải Phòng. B. Huế. C. Cần Thơ. D. Đà Nẵng.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500.001-1.000.000 người?

- A. Thái Nguyên. B. Hải Phòng. C. Quảng Ngãi. D. Biên Hòa.

Câu 9: Cho bảng số liệu: Sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Khai thác	1987,9	2280,5	2414,4	2920,4
Nuôi trồng	1478,9	2589,8	2728,3	3412,8

Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Tổng sản lượng thủy sản tăng hơn 21 lần so năm 2014 với 2005.
B. Thủy sản khai thác luôn vượt nuôi trồng về sản lượng.
C. Từ năm 2009 trở đi, sản lượng nuôi trồng vượt sản lượng khai thác.
D. Sản lượng nuôi trồng bằng sản lượng khai thác.

Câu 10. Điều kiện tự nhiên quan trọng nhất để nước ta trồng được cả cây nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới là

- A. có nhiều dạng địa hình. B. tài nguyên đất đa dạng.
C. mạng lưới sông ngòi dày đặc. D. khí hậu phân hoá đa dạng.

Câu 11. Biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp của nước ta là

- A. thủy lợi. B. phòng chống thiên tai.
C. mở rộng diện tích. D. đa dạng cơ cấu cây trồng.

Câu 12. Biện pháp nào quan trọng nhất để hạn chế tính bấp bênh trong sản xuất nông nghiệp nước ta?

- A. Đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu.
B. Sử dụng giống ngắn ngày cho năng suất cao.
C. Phân bố phù hợp cây trồng và vật nuôi.
D. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

Câu 13. Điều kiện thuận lợi nhất để nước ta phát triển mạnh ngành trồng cây công nghiệp lâu năm là
 A. có tài nguyên nước dồi dào. B. có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
 C. có nguồn lao động dồi dào. D. có đất feralit chiếm diện tích lớn.

Câu 14. Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do
 A. đẩy mạnh thâm canh. B. áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.
 C. đẩy mạnh xen canh, tăng vụ. D. mở rộng diện tích canh tác.

Câu 15. Nhận định nào sau đây **không đúng** về điều kiện thuận lợi phát triển ngành trồng cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

A. Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. B. Đất feralit chiếm diện tích lớn.
 C. Nguồn lao động dồi dào. D. Có các đồng bằng rộng lớn.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, vùng có đất badan lớn nhất nước ta là
 A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Duyên hải Miền Trung.
 C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 17. Cây trồng nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt nước ta?

A. Cây công nghiệp. B. Cây rau đậu. C. Cây ăn quả. D. Cây lương thực.

Câu 18. Dừa là loại cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở vùng

A. Đông Nam bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 19. Cho bảng số liệu:

Một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010-2016

Năm	2010	2014	2015	2016
Vải (triệu m ²)	1 176,9	1 346,5	1525,6	1700,7
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	246,5	253,0	257,6

Tốc độ tăng trưởng năm 2016 của vải và giày, dép da lần lượt là

A. 144,5% và 134,0%. B. 145,5% và 134,5%.
 C. 145,5% và 143,0%. D. 154,5% và 134,0%.

Câu 20. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm tập trung chủ yếu tại các vùng đồng bằng do nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây?

A. Nguyên liệu dồi dào. B. Lao động dồi dào.
 C. Vị trí thuận lợi. D. Cơ sở hạ tầng hiện đại.

Câu 21. Các yếu tố đầu ra nào ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta?

A. Nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng.
 B. Dân cư và lao động.
 C. Cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.
 D. Chính sách phát triển công nghiệp, thị trường tiêu thụ.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng nhất?

A. Biên Hòa. B. Vũng Tàu. C. Thành Phố Hồ Chí Minh. D. Hà Nội.

Câu 23. Nhân tố có vai trò quyết định đối với sự phát triển và phân bố công nghiệp là

A. nguồn lao động. B. thị trường tiêu thụ.
 C. tài nguyên thiên nhiên. D. đường lối, chính sách của Nhà nước.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2005 - 2014

Sản phẩm	2005	2009	2012	2014
Than sạch (nghìn tấn)	34093	44087	42083	41086
Dầu thô (nghìn tấn)	18519	16360	16739	17392
Điện (triệu kWh)	52078	80643	115147	141250

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ đường. C. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ cột chồng.

Câu 25: Ngành công nghiệp trọng điểm **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm tỉ trọng cao trong giá trị sản lượng công nghiệp.
- B. Thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Phát triển dựa trên thế mạnh về tài nguyên và lao động.
- D. Sản phẩm chủ yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Câu 26: Các mỏ dầu khí của nước ta được phát hiện và khai thác chủ yếu ở

- A. vùng biển thuộc quần đảo Trường Sa.
- B. ven các đảo thuộc vịnh Bắc Bộ.
- C. vùng thềm lục địa phía Nam.
- D. vùng biển ven các đảo, quần đảo.

Câu 27. Dựa trên công dụng của sản phẩm, than đá thuộc nhóm khoáng sản nào?

- A. Kim loại.
- B. Năng lượng.
- C. Phi kim loại.
- D. Vật liệu xây dựng.

Câu 28. Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than **không phát triển** ở phía Nam chủ yếu là do

- A. gây ô nhiễm môi trường.
- B. xa các nguồn nhiên liệu than.
- C. xây dựng đòi hỏi vốn lớn hơn.
- D. ít nhu cầu về điện hơn phía Bắc.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động phân theo các ngành kinh tế nước ta năm 2018 và năm 2020

(Đơn vị: %)

Năm	Tổng	Chia ra		
		Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
2018	100,0	37,6	27,3	35,1
2020	100,0	33,1	30,8	36,1

a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi lao động phân theo các ngành kinh tế ở nước ta năm 2018 và năm 2020.

b) Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo các ngành kinh tế ở nước ta trong giai đoạn trên.

-----Hết-----

Ghi chú : Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.